TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
TRUNG TÂM GDQP&AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04 /QĐ-GDQP&AN

Phú Thọ, ngày 27 tháng 04 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
V/v Cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên đại học, cao đẳng Khóa II, khối 4 – Năm học 2016 – 2017

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG & AN NINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

Căn cứ vào Quyết định số: 1550/QĐ-UBND tỉnh Phú Thọ, ngày 09/07/2015 về việc thành lập Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Hùng Vương

Căn cứ Thông tư 123/2015/TTLT-BQP-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 05/11/2015 về việc qui định tổ chức, hoạt động của Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh; liên kết Giáo dục quốc phòng và an ninh của các trường cao đẳng, cơ sở Giáo dục đại học;

Căn cứ thông tư: 31/2012/TT BGDĐT ngày 22/9/2012 của Bộ Giáo dục Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ Thông tư 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 08/09/2015 qui định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ kết quả môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng KHĐT&QLSV;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay công nhận kết quả và cấp Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh cho 230 sinh viên đại học, cao đẳng gồm các ngành đào tạo:

K12, K13 LT Tiểu học, K13 Kế toán A,B, Tài chính - Ngân hàng, Quản trị Kinh doanh, Kinh tế Nông nghiệp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Chăn nuôi Thú Y, Đại học Thú Y, Khoa học Cây trồng và sinh viên Trường CĐ Thực phẩm. *(có danh sách kèm theo).*

Điều 2. Các Ông (bà) Trưởng phòng Kế hoạch đào tạo và quản lý sinh viên, phòng Tổng hợp và các sinh viên có tên trong danh sách ở Điều 1 căn cứ Quyết định thực hiện.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (Để báo cáo);
- HT, PHT (Ô. Tùng);
- Như điều 2 (để thực hiện);
- Lưu VT, TT GDQP &AN.

GIÁM ĐỐC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

PGS.TS Cao Văn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
TRUNG TÂM GDQP&AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ GDQP & AN LỚP CĐ, ĐH K12, K13 LT TIỂU HỌC, K13 KẾ TOÁN A,B, KINH TẾ NÔNG NGHIỆP, TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG, NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC, CHĂN NUÔI THÚ Y, ĐẠI HỌC THÚ Y, QUẢN TRỊ KINH DOANH, KHOA HỌC CÂY TRỒNG VÀ SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG THỰC PHẨM.

(kèm theo QĐ số: 04 /QĐ-GDQP&AN ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Trung tâm GDQP&AN Trường Đại học Hùng Vương)

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Nam (Nữ)	Nơi sinh	Mã lớp	Điểm các học phần			Điểm TB	Xếp loại
									Điểm Hp1	Điểm Hp2	Điểm Hp3		
1. LỚP K13 ĐH KẾ TOÁN A													
1	1	155D100001	Hà Thị Hằng	Anh	11/10/1996	Nữ	Tuyên Quang	1513D10A	7.8	8.0	8.6	8.15	Giỏi
2	2	155D100007	Đào Huyền	Chang	13/01/1997	Nữ	Vĩnh Phú	1513D10A	7.1	7.9	7.9	7.60	Khá
3	3	155D100008	Bùi Minh	Châu	25/12/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	6.4	8.0	7.9	7.36	Khá
4	4	155D100013	Nguyễn Thị	Dịu	19/09/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	7.1	7.0	7.8	7.34	Khá
5	5	155D100014	Nguyễn Thị	Dung	01/08/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	8.0	8.2	8.6	8.28	Giỏi
6	6	155D100015	Nguyễn Tiến	Đạt	08/06/1997		Vĩnh Phúc	1513D10A	7.0	7.0	7.8	7.30	Khá
7	7	155D100018	Đặng Thị Thu	Hà	05/05/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	8.0	8.0	8.0	8.00	Giỏi
8	8	155D100021	Nguyễn Mỹ	Hạnh	17/07/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	6.5	7.0	7.9	7.15	Khá
9	9	155D100022	Bùi Thị Thúy	Hằng	20/12/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	1513D10A	7.9	8.0	7.9	7.93	Khá
10	10	155D100024	Nguyễn Thu	Hiền	11/12/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	7.0	7.0	7.1	7.04	Khá
11	11	155D100026	Đàm Thị	Hoa	14/12/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	7.1	8.0	8.6	7.89	Khá
12	12	155D100028	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	29/10/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	7.8	7.7	7.3	7.59	Khá
13	13	155D100031	Nguyễn Hữu	Hưng	10/10/1997		Phú Thọ	1513D10A	7.0	7.0	6.5	6.81	Trung bình
14	14	155D100034	Nguyễn Thu	Hường	18/01/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	7.9	7.0	7.8	7.64	Khá

15	15	155D100097	Lưu Thượng	Kiên	30/11/1997		Phú Thọ	1513D10A	7.0	7.0	7.8	7.30	Khá
16	16	155D100037	Nguyễn Thị Mai	Lan	12/11/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	7.7	6.5	6.3	6.88	Trung bình
17	17	155D100041	Nguyễn Diệu	Linh	18/11/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	7.1	7.9	6.4	7.04	Khá
18	18	155D100043	Nguyễn Thị	Linh	25/10/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	1513D10A	8.0	8.9	6.7	7.74	Khá
19	19	155D100044	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	05/06/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	7.0	7.7	8.7	7.81	Khá
20	20	155D100047	Hà Thị	Lực	20/05/1997	Nữ	Lào Cai	1513D10A	7.0	7.9	7.7	7.49	Khá
21	21	155D100050	Nguyễn Khánh	Ly	15/11/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	7.7	7.7	7.7	7.70	Khá
22	22	155D100051	Phạm Nguyễn Diệu	Ly	04/11/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	7.1	8.0	7.3	7.40	Khá
23	23	155D100057	Vũ Thị Kim	Ngân	08/07/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	1513D10A	8.0	8.0	8.6	8.23	Giỏi
24	24	155D100058	Bùi Thị	Ngần	01/07/1997	Nữ	Yên Bái	1513D10A	7.1	7.9	6.4	7.04	Khá
25	25	155D100103	Nguyễn Quỳnh Bích	Ngọc	24/10/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	7.9	7.7	7.0	7.51	Khá
26	26	155D100062	Đỗ Thị Hồng	Nhung	11/12/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	7.1	7.7	7.9	7.55	Khá
27	27	155D100066	Trần Thị	Oanh	16/01/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	1513D10A	7.1	7.9	8.7	7.90	Khá
28	28	155D100068	Đào Ngọc	Quang	11/02/1997		Vĩnh Phúc	1513D10A	7.0	7.0	6.4	6.78	Trung bình
29	29	155D100100	Nguyễn Hữu	Quý	22/11/1996		Phú Thọ	1513D10A	7.0	7.2	6.4	6.83	Trung bình
30	30	155D100071	Trịnh Thị Như	Quỳnh	09/10/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	7.0	7.7	5.7	6.69	Trung bình
31	31	155D100073	Nguyễn Thị Thu	Thảo	20/01/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	8.0	7.2	6.5	7.24	Khá
32	32	155D100075	Cao Thị Bích	Thủy	24/04/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	8.0	8.0	5.8	7.18	Khá
33	33	155D100077	Bùi Thị Thanh	Thúy	20/07/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	8.1	8.9	7.3	8.00	Giỏi
34	34	155D100080	Lã Thị Thu	Trang	28/10/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	7.0	7.0	8.0	7.38	Khá
35	35	155D100081	Nguyễn Thị Kiều	Trang	04/06/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	7.1	7.0	6.6	6.89	Trung bình
36	36	155D100082	Nguyễn Thùy	Trang	30/07/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	7.9	8.0	6.5	7.40	Khá
37	37	155D100088	Trần Thị	Viễn	24/07/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	7.1	8.2	8.7	7.98	Khá
38	38	155D100089	Nguyễn Hoàng	Việt	03/09/1997		Vĩnh Phúc	1513D10A	8.1	8.2	8.1	8.13	Giỏi
39	39	155D100090	Đỗ Thị	Yến	01/11/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10A	7.0	7.9	7.1	7.26	Khá
40	40	155D100092	Trần Hải	Yến	24/01/1997	Nữ	Vĩnh Phú	1513D10A	7.8	8.2	8.6	8.20	Giỏi

2. LỚP K13 ĐH KẾ TOÁN B

1	41	155D100003	Mai Thị Lan	Anh	30/05/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.3	7.9	7.1	7.38	Khá
2	42	155D100004	Nguyễn Bảo	Anh	07/01/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.3	8.0	7.2	7.44	Khá
3	43	155D100006	Phùng Minh	Anh	22/09/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.1	7.0	6.4	6.81	Trung bình
4	44	155D100011	Nguyễn Thành	Công	22/12/1997		Phú Thọ	1513D10B	8.0	7.9	6.4	7.38	Khá
5	45	155D100012	Đinh Bích	Diệp	06/05/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.7	7.0	7.9	7.60	Khá
6	46	155D100095	Phạm Thu	Hà	08/11/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	8.0	8.0	7.2	7.70	Khá
7	47	155D100023	Hoàng Thị Thu	Hằng	13/10/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.0	7.7	8.0	7.55	Khá
8	48	155D100025	Trần Quang	Hiệp	03/05/1992		Vĩnh Phú	1513D10B	7.0	7.7	7.0	7.18	Khá
9	49	155D100027	Đỗ Phương	Hoa	31/08/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.9	7.9	6.5	7.38	Khá
10	50	155D100019	Nguyễn Thị Thu	Hòa	24/01/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.9	7.7	6.6	7.36	Khá
11	51	155D100029	Đỗ Hồng	Huế	30/03/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.0	7.0	6.3	6.74	Trung bình
12	52	155D100032	Nguyễn Thị	Hương	23/10/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.1	7.0	5.6	6.51	Trung bình
13	53	155D100035	Vũ Thị Lan	Hường	01/02/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.1	7.2	5.7	6.60	Trung bình
14	54	155D100038	Nguyễn Thị Phương	Lan	18/07/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.9	8.0	6.5	7.40	Khá
15	55	155D100040	Hoàng Diệu	Linh	01/05/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.0	7.0	6.5	6.81	Trung bình
16	56	155D100042	Nguyễn Ngọc	Linh	26/05/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.9	8.0	5.7	7.10	Khá
17	57	155D100046	Nguyễn Thị Bích	Loan	19/04/1997	Nữ	Vĩnh Phú	1513D10B	7.3	8.0	6.5	7.18	Khá
18	58	155D100048	Nguyễn Thị	Lương	15/02/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.0	7.0	5.8	6.55	Trung bình
19	59	155D100049	Hà Thảo Hương	Ly	08/06/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	8.0	7.3	7.9	7.79	Khá
20	60	155D100052	Phan Thị Khánh	Ly	19/06/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.9	7.0	5.8	6.89	Trung bình
21	61	155D100054	Đào Thị Thúy	Mùi	29/10/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.1	7.7	5.7	6.73	Trung bình
22	62	155D100060	Nguyễn Thủy	Nguyên	28/01/1997		Phú Thọ	1513D10B	7.0	7.2	6.3	6.79	Trung bình
23	63	155D100063	Mai Thị	Nhung	15/03/1997	Nữ	Yên Bái	1513D10B	8.1	8.9	8.7	8.53	Giỏi
24	64	155D100064	Bùi Thị	Oanh	02/05/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	1513D10B	7.1	7.7	5.8	6.76	Trung bình
25	65	155D100065	Hà Kiều	Oanh	10/04/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.2	7.7	5.7	6.76	Trung bình

26	66	155D100067	Nguyễn Thị	Phượng	28/06/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.9	8.0	8.0	7.96	Khá
27	67	155D100069	Nguyễn Văn	Quang	20/07/1997		Phú Thọ	1513D10B	7.8	7.7	7.2	7.55	Khá
28	68	155D100070	Lê Trường	Quân	22/06/1997		Lai Châu	1513D10B	7.0	7.0	6.3	6.74	Trung bình
29	69	155D100101	Nguyễn Thị	Quỳnh	26/03/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.1	7.7	7.2	7.29	Khá
30	70	155D100074	Nguyễn Thị	Thùy	08/05/1997	Nữ	Yên Bái	1513D10B	8.1	8.9	8.6	8.49	Giỏi
31	71	155D100076	Bùi Thị Diệu	Thúy	20/10/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.1	7.2	7.2	7.16	Khá
32	72	155D100078	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	16/11/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.8	7.3	6.6	7.23	Khá
33	73	155D100084	Hồ Thị Anh	Tú	20/02/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.7	8.2	7.2	7.64	Khá
34	74	155D100085	Nguyễn Anh	Tuấn	18/09/1997		Phú Thọ	1513D10B	7.0	7.0	5.6	6.48	Trung bình
35	75	155D100086	Nguyễn Mạnh	Tuấn	26/02/1997		Phú Thọ	1513D10B	7.0	7.0	5.7	6.51	Trung bình
36	76	155D100091	Phạm Thị Thu	Yến	28/06/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	8.0	8.0	7.9	7.96	Khá
37	77	155D100093	Vũ Bảo	Yến	08/06/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D10B	7.3	7.3	7.7	7.45	Khá
3. LỚP K13 ĐH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP													
1	78	155D500001	Ngọc Minh	Sang	19/12/1997		Phú Thọ	1513D50A	8.0	8.0	7.1	7.66	Khá
2	79	155D500004	Nguyễn Văn	Tứ	02/06/1993		Vĩnh Phú	1513D50A	7.1	7.2	7.0	7.09	Khá
4. LỚP K13 ĐH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG													
1	80	155D160001	Lưu Hà Việt	Bắc	29/05/1997		Phú Thọ	1513D16A	7.0	7.2	7.1	7.09	Khá
2	81	155D160002	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	16/05/1996	Nữ	Vĩnh Phú	1513D16A	8.0	7.3	6.4	7.23	Khá
3	82	155D160003	Lê Thị Minh	Châu	13/02/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D16A	7.1	8.0	7.7	7.55	Khá
4	83	155D160005	Nguyễn Hán	Cường	16/11/1996		Vĩnh Phú	1513D16A	7.0	7.7	7.2	7.25	Khá
5	84	155D160007	Nguyễn Trung	Hiếu	31/05/1997		Yên Bái	1513D16A	8.0	8.0	7.8	7.93	Khá
6	85	155D160009	Nguyễn Thị Hương	Lan	20/11/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D16A	7.0	8.0	5.8	6.80	Trung bình
7	86	155D160010	Lê Mỹ	Linh	03/06/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	1513D16A	7.1	7.0	8.7	7.68	Khá
8	87	155D160011	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	12/08/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D16A	8.0	7.7	8.8	8.23	Giỏi
9	88	155D160013	Tao Văn	Pành	12/03/1997		Lai Châu	1513D16A	8.1	8.9	8.1	8.30	Giỏi
10	89	155D160014	Nguyễn Mai	Phương	20/02/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D16A	7.0	7.7	7.0	7.18	Khá

11	90	155D160016	Nguyễn Thu	Thảo	10/08/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D16A	7.3	7.2	7.0	7.16	Khá
12	91	155D160017	Vương Hà Lệ	Thủy	22/02/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D16A	8.0	7.0	5.7	6.89	Trung bình
13	92	155D160018	Vũ Thu	Trang	17/07/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D16A	7.3	8.0	8.5	7.93	Khá
5. LỚP K13 ĐH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC													
1	93	155D180002	Nguyễn Phương	Anh	12/03/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D18A	8.0	7.2	8.0	7.80	Khá
2	94	155D180003	Nguyễn Thị Vân	Anh	28/05/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D18A	7.0	7.9	7.0	7.23	Khá
3	95	155D180004	Trần Thị Lan	Anh	23/06/1997	Nữ	Lào Cai	1513D18A	7.7	7.2	7.3	7.43	Khá
4	96	155D180005	Nguyễn Thị	Bích	16/10/1997		Phú Thọ	1513D18A	7.3	7.0	7.1	7.15	Khá
5	97	155D180006	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	23/11/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D18A	6.4	7.2	7.0	6.83	Trung bình
6	98	155D180007	Nguyễn Thị	Chiến	22/01/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D18A	8.0	7.9	6.5	7.41	Khá
7	99	155D180008	Phạm Thùy	Dương	15/08/1997	Nữ	Hòa Bình	1513D18A	6.3	7.2	6.4	6.56	Trung bình
8	100	155D180011	Trần Trung	Hà	01/01/1996		Vĩnh Phú	1513D18A	8.0	7.0	7.8	7.68	Khá
9	101	155D180012	Nguyễn Thị	Hằng	03/08/1995	Nữ	Vĩnh Phú	1513D18A	8.0	7.2	8.0	7.80	Khá
10	102	155D180013	Vũ Thị	Hằng	30/09/1997	Nữ	Tuyên Quang	1513D18A	6.6	7.3	7.0	6.93	Trung bình
11	103	155D180015	Nguyễn Thị Thu	Huyền	10/10/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D18A	6.6	7.0	8.0	7.23	Khá
12	104	155D180017	Đinh Thị	Linh	23/11/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D18A	7.0	7.0	7.1	7.04	Khá
13	105	155D180018	Nguyễn Duy	Linh	05/08/1996		Yên Bái	1513D18A	7.0	7.0	6.6	6.85	Trung bình
14	106	155D180019	Triệu Thị Lý	Linh	17/08/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D18A	7.7	7.0	6.5	7.08	Khá
15	107	155D180020	Đinh Công	Luyện	26/08/1997		Phú Thọ	1513D18A	7.7	7.0	5.6	6.74	Trung bình
16	108	155D180021	Đỗ Khánh	Ly	24/11/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D18A	8.0	8.0	7.7	7.89	Khá
17	109	155D180022	Nguyễn Thị Hồng	Lý	10/11/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	1513D18A	8.8	8.2	7.3	8.09	Giỏi
18	110	155D180023	Bùi Phương	Mai	22/12/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D18A	7.1	7.0	6.4	6.81	Trung bình
19	111	155D180024	Trần Văn	Mậu	27/07/1997		Phú Thọ	1513D18A	7.0	7.7	6.4	6.95	Trung bình
20	112	155D180025	Triệu Vinh	Mỹ	18/06/1996	Nữ	Tuyên Quang	1513D18A	7.9	8.2	6.4	7.41	Khá
21	113	155D180026	Bùi Phương	Nam	30/08/1997		Phú Thọ	1513D18A	6.4	7.0	6.3	6.51	Trung bình
22	114	155D180027	Đỗ Thị Ngọc	Ngân	18/01/1996	Nữ	Vĩnh Phú	1513D18A	7.3	8.2	5.7	6.93	Trung bình

23	115	155D180028	Nguyễn Linh	Nhi	31/08/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D18A	8.0	7.2	7.3	7.54	Khá
24	116	155D180029	Hà Thị	Niên	12/03/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	1513D18A	7.8	7.0	5.6	6.78	Trung bình
25	117	155D180030	Nguyễn Đức	Phong	28/06/1997		Phú Thọ	1513D18A	7.1	7.2	7.7	7.35	Khá
26	118	155D180032	Hoàng Thị	Phượng	14/03/1995	Nữ	Vĩnh Phú	1513D18A	7.8	8.0	7.3	7.66	Khá
27	119	155D180033	Nguyễn Thanh	Tâm	29/09/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D18A	7.1	7.2	6.4	6.86	Trung bình
28	120	155D180034	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	06/11/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D18A	7.0	7.0	8.5	7.56	Khá
29	121	155D180035	Trần Thị Thanh	Thanh	23/11/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D18A	7.0	7.2	8.0	7.43	Khá
30	122	155D180036	Hà Thị	Thảo	05/09/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D18A	8.8	8.2	8.1	8.39	Giỏi
31	123	155D180037	Hứa Thị	Thắm	10/10/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D18A	7.1	7.2	7.8	7.39	Khá
32	124	155D180038	Lương Xuân	Thịnh	30/07/1997		Phú Thọ	1513D18A	7.3	7.2	8.5	7.73	Khá
33	125	155D180039	Nguyễn Việt	Trung	01/02/1997		Lào Cai	1513D18A	6.4	7.2	7.8	7.13	Khá
34	126	155D180040	Nhạc Nguyễn Sinh	Trường	21/04/1997		Phú Thọ	1513D18A	7.0	8.0	8.6	7.85	Khá
35	127	155D180041	Nguyễn Thị	Tươi	12/09/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D18A	8.0	7.0	7.1	7.41	Khá
6. SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG THỰC PHẨM													
1	128	K10-TP1	Bùi Văn	Đức	13/04/1998	Nam	Hải Dương	CĐ Thực Phẩm	8.0	7.0	7.0	7.38	Khá
2	129	K10-TP1	Nguyễn Thị Thu	Hà	25/08/1998	Nữ	Hải Dương	CĐ Thực Phẩm	6.3	7.2	7.0	6.79	Trung bình
3	130	K10-TP1	Đào Ngọc	Linh	25/05/1998	Nữ	Hải Dương	CĐ Thực Phẩm	6.3	7.2	6.3	6.53	Trung bình
4	131	K10-TP1	Nguyễn Thị Thanh	Tùng	12/04/1998	Nữ	Phú Thọ	CĐ Thực Phẩm	7.0	7.2	7.0	7.05	Khá
5	132	K10-KT1	Nguyễn Lan	Anh	12/10/1998	Nữ	Phú Thọ	CĐ Thực Phẩm	7.0	7.7	6.3	6.91	Trung bình
6	133	K10-KT1	Phan Sỹ	Giáp	12/10/1998	Nam	Phú Thọ	CĐ Thực Phẩm	6.3	7.0	8.0	7.11	Khá
7	134	K10-KT1	Đặng Thann	Hạ	24/04/1998	Nữ	Phú Thọ	CĐ Thực Phẩm	8.0	7.3	7.0	7.45	Khá
8	135	K10-KT1	Nguyễn Mỹ	Hạnh	01/10/1997	Nữ	Phú Thọ	CĐ Thực Phẩm	7.0	7.9	6.3	6.96	Trung bình
9	136	K10-KT1	Trần Minh	Hạnh	27/12/1997	Nữ	Phú Thọ	CĐ Thực Phẩm	7.0	7.9	7.3	7.34	Khá
10	137	K10-KT1	Hà Tiến	Lâm	28/05/1998	Nam	Phú Thọ	CĐ Thực Phẩm	7.0	7.9	7.0	7.23	Khá
11	138	K10-KT1	Đoàn Thị Thúy	Nga	04/04/1998	Nữ	Phú Thọ	CĐ Thực Phẩm	7.3	7.0	8.0	7.49	Khá
12	139	K10-KT1	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	22/10/1995	Nữ	Khánh Hòa	CĐ Thực Phẩm	7.3	7.2	7.7	7.43	Khá

13	140	K10-Đ1	Thào A	Chú	20/04/1998	Nam	Yên Bái	CĐ Thực Phẩm	6.3	8.0	7.0	6.99	Trung bình
14	141	K10-Đ1	Hảng A	Giàng	13/03/1998	Nam	Yên Bái	CĐ Thực Phẩm	7.0	7.0	7.0	7.00	Khá
15	142	K10-Đ1	Đỗ Phương	Linh	20/04/1998	Nữ	Phú Thọ	CĐ Thực Phẩm	6.3	7.2	6.3	6.53	Trung bình
16	143	K10-CNHH1	Bùi Xuân	Song	23/03/1991	Nam	Nghệ An	CĐ Thực Phẩm	8.1	8.2	8.7	8.35	Giỏi
7. LỚP K12 ĐẠI HỌC TIỂU HỌC(LIÊN THÔNG)													
1	144	155D03LT01	Tạ Văn	Đức	23/06/1994	Nam	Vĩnh Phú	1412D03T	8.7	8.9	8.7	8.75	Giỏi
2	145	155D03LT02	Bùi Thu	Hà	11/08/1994	Nữ	Vĩnh Phú	1412D03T	8.0	7.3	6.4	7.23	Khá
3	146	155D03LT03	Hán Thị Mỹ	Hạnh	30/09/1992	Nữ	Vĩnh Phú	1412D03T	8.0	7.9	8.7	8.24	Giỏi
4	147	155D03LT04	Lê Thị Thu	Huế	21/03/1993	Nữ	Vĩnh Phú	1412D03T	8.0	7.0	7.3	7.49	Khá
5	148	155D03LT06	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	24/08/1994	Nữ	Vĩnh Phú	1412D03T	8.0	7.9	8.7	8.24	Giỏi
6	149	155D03LT07	Đỗ Minh	Quang	08/02/1994	Nam	Vĩnh Phú	1412D03T	7.7	7.0	8.7	7.90	Khá
8. LỚP K13 ĐẠI HỌC TIỂU HỌC(LIÊN THÔNG)													
1	150	155D03LT01	Nguyễn Thị	Anh	10/02/1995	Nữ	Vĩnh Phú	1513D03T	8.0	8.0	7.2	7.70	Khá
2	151	155D03LT02	Vàng Thị	Bình	08/05/1995	Nữ	Hà Giang	1513D03T	7.3	7.0	5.9	6.70	Trung bình
3	152	155D03LT13	Giàng Mí	Cử	16/11/1993	Nam	Hà Giang	1513D03T	7.0	7.0	6.9	6.96	Trung bình
4	153	155D03LT03	Nguyễn Thùy	Giang	11/11/1994	Nữ	Hà Giang	1513D03T	8.0	8.0	8.7	8.26	Giỏi
5	154	155D03LT04	Nguyễn Thị Thu	Hằng	02/11/1994	Nữ	Vĩnh Phú	1513D03T	7.4	8.2	7.8	7.75	Khá
6	155	155D03LT14	Vương Văn	Lằng	05/07/1993	Nam	Hà Giang	1513D03T	7.3	7.2	6.3	6.90	Trung bình
7	156	155D03LT05	Đặng Thị Hồng	Linh	26/03/1993	Nữ	Vĩnh Phú	1513D03T	8.8	8.9	8.8	8.83	Giỏi
8	157	155D03LT06	Đinh Công	Luân	01/10/1995	Nam	Vĩnh Phú	1513D03T	7.0	6.5	6.4	6.65	Trung bình
9	158	155D03LT15	Vừ Mí	Mỷ	10/02/1994	Nam	Hà Giang	1513D03T	7.0	7.9	7.8	7.53	Khá
10	159	155D03LT07	Và Mí	Pó	01/01/1995	Nam	Hà Giang	1513D03T	7.1	6.3	5.7	6.38	Trung bình
11	160	155D03LT08	Nguyễn Minh	Sơn	25/03/1994	Nam	Vĩnh Phú	1513D03T	7.0	7.2	6.4	6.83	Trung bình
12	161	155D03LT09	Đặng Thị	Thanh	02/10/1994	Nữ	Yên Bái	1513D03T	8.0	7.9	7.7	7.86	Khá
13	162	155D03LT11	Lê Thị	Thùy	20/09/1994	Nữ	Phú Thọ	1513D03T	7.0	7.0	8.7	7.64	Khá
14	163	155D03LT16	Hà Văn	Thuyên	07/07/1994	Nam	Vĩnh Phú	1513D03T	7.0	6.5	7.1	6.91	Trung bình

15	164	155D03LT17	Trần Xuân	Thức	23/03/1992	Nam	Hà Giang	1513D03T	7.0	7.0	5.7	6.51	Trung bình
16	165	155D03LT12	Nguyễn Thị Huyền	Trang	15/08/1995	Nữ	Vĩnh Phú	1513D03T	8.0	8.9	8.7	8.49	Khá
17	166	155D03LT18	Thèn Seo	Việt	07/10/1991	Nam	Hà Giang	1513D03T	8.0	7.0	8.5	7.94	Khá
9. LỚP K13 ĐH CHĂN NUÔI (CHĂN NUÔI THÚ Y)													
1	167	155D130001	Đỗ Thị Hồng	Đào	23/03/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	1513D13A	8.0	7.9	8.7	8.24	Giỏi
2	168	155D130002	Đặng Văn	Giang	17/11/1997		Phú Thọ	1513D13A	7.0	7.0	5.6	6.48	Trung Bình
3	169	155D130004	Nguyễn Việt	Hùng	02/10/1997		Phú Thọ	1513D13A	7.0	6.3	6.3	6.56	Trung Bình
4	170	155D130022	Nguyễn Quang	Hưng	27/03/1996		Tuyên Quang	1513D13A	7.0	6.3	7.8	7.13	Khá
5	171	155D130005	Đặng Thị	Lan	20/08/1996	Nữ	Hà Giang	1513D13A	7.0	7.9	6.6	7.08	Khá
6	172	155D130006	Lê Thị Nhật	Lệ	15/04/1996	Nữ	Vĩnh Phú	1513D13A	7.3	7.9	6.6	7.19	Khá
7	173	155D130007	Mai Thanh	Liêm	30/07/1996		Phú Thọ	1513D13A	7.0	7.7	8.7	7.81	Khá
8	174	155D130008	Vũ Thị Quỳnh	Liên	12/11/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D13A	7.0	7.2	8.7	7.69	Khá
9	175	155D130009	Trần Việt	Linh	21/02/1994		Phú Thọ	1513D13A	7.0	7.3	6.4	6.85	Trung Bình
10	176	155D130010	Nguyễn Như	Ngọc	02/12/1997	Nữ	Yên Bái	1513D13A	7.0	7.2	6.3	6.79	Trung Bình
11	177	155D130011	Cổ Thị	Nguyệt	06/11/1997	Nữ	Lào Cai	1513D13A	7.0	7.2	6.3	6.79	Trung Bình
12	178	155D130012	Chu Văn	Nhất	12/05/1991		Vĩnh Phú	1513D13A	8.1	8.2	6.6	7.56	Khá
13	179	155D130013	Lý Hồng	Phúc	22/05/1997		Phú Thọ	1513D13A	7.0	7.2	7.7	7.31	Khá
14	180	155D130014	Phùng Thị	Phượng	05/10/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D13A	7.0	7.2	6.6	6.90	Trung Bình
15	181	155D130015	Lự Văn	Quyến	01/02/1997		Lào Cai	1513D13A	7.0	6.3	7.0	6.83	Trung Bình
16	182	155D130016	Phạm Thái	Sơn	18/01/1997		Phú Thọ	1513D13A	7.3	8.0	8.0	7.74	Khá
17	183	155D130017	Nguyễn Quyết	Thắng	25/07/1997		Phú Thọ	1513D13A	7.3	7.0	7.7	7.38	Khá
18	184	155D130018	Vũ Trung	Thịnh	02/02/1997		Phú Thọ	1513D13A	7.0	7.0	8.4	7.53	Khá
19	185	155D130019	Trần Thị Phương	Thúy	13/08/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D13A	7.0	7.2	7.3	7.16	Khá
20	186	155D130020	Hoàng Thị Thúy	Trinh	01/07/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D13A	7.3	7.9	8.0	7.71	Khá
21	187	155D130021	Vàng	Trứ	11/10/1997		Lào Cai	1513D13A	7.0	7.0	7.1	7.04	Khá

10. LỚP K13 ĐH THÚ Y

1	188	155D300002	Vi Hải	Anh	05/07/1997		Phú Thọ	1513D30A	8.1	8.2	8.7	8.35	Giỏi
2	189	155D300003	Nguyễn Phương	Chi	06/08/1997	Nữ	Vĩnh Phú	1513D30A	7.1	6.3	6.6	6.71	Trung bình
3	190	155D300004	Nguyễn Trọng	Công	28/12/1995		Vĩnh Phú	1513D30A	7.0	6.5	7.0	6.88	Trung bình
4	191	155D300005	Nguyễn Mạnh	Cường	14/01/1997		Phú Thọ	1513D30A	7.3	7.0	5.7	6.63	Trung bình
5	192	155D300006	Phạm Thị	Dung	18/03/1996	Nữ	Yên Bái	1513D30A	7.7	7.9	7.3	7.60	Khá
6	193	155D300007	Nguyễn Chí	Dũng	05/04/1997		Phú Thọ	1513D30A	7.0	7.9	7.0	7.23	Khá
7	194	155D300008	Đỗ Hoàng Duy	Đông	17/02/1997		Phú Thọ	1513D30A	8.4	8.2	8.0	8.20	Giỏi
8	195	155D300009	Nguyễn Trọng	Đức	17/12/1997		Phú Thọ	1513D30A	7.0	7.0	7.0	7.00	Khá
9	196	155D300010	Vũ Thị Thu	Hà	23/10/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D30A	7.3	7.0	7.8	7.41	Khá
10	197	155D300011	Nguyễn Thị	Hảo	05/08/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D30A	7.3	7.2	7.1	7.20	Khá
11	198	155D300013	Bùi Thị	Hoa	14/09/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D30A	8.0	7.2	6.6	7.28	Khá
12	199	155D300014	Nguyễn Huy	Hoàng	26/08/1997		Phú Thọ	1513D30A	7.8	7.7	6.7	7.36	Khá
13	200	155D300016	Dương Đức	Hùng	04/05/1997		Phú Thọ	1513D30A	7.1	7.9	7.1	7.30	Khá
14	201	155D300017	Bùi Thị Thanh	Huyền	09/12/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D30A	7.1	7.3	7.0	7.11	Khá
15	202	155D300018	Nguyễn Văn	Khiêm	08/12/1996		Phú Thọ	1513D30A	7.1	6.3	7.7	7.13	Khá
16	203	155D300019	Nguyễn Hoàng	Kỳ	11/08/1997		Yên Bái	1513D30A	7.0	6.3	7.0	6.83	Trung Bình
17	204	155D300021	Phan Ngọc	Linh	03/02/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D30A	8.0	7.3	6.3	7.19	Khá
18	205	155D300023	Nguyễn Tiến	Mạnh	08/06/1997		Vĩnh Phúc	1513D30A	7.0	6.6	6.3	6.64	Trung Bình
19	206	155D300024	Lương Đức	Mẫn	09/05/1997		Phú Thọ	1513D30A	7.1	7.7	7.1	7.25	Khá
20	207	155D300025	Nguyễn Trần	Nam	17/05/1997		Phú Thọ	1513D30A	8.0	8.0	6.4	7.40	Khá
21	208	155D300026	Trần Đại	Nghĩa	12/11/1997		Phú Thọ	1513D30A	7.1	7.0	7.1	7.08	Khá
22	209	155D300027	Nguyễn Thị Bích	Phương	11/11/1997	Nữ	Lai Châu	1513D30A	7.8	7.7	6.3	7.21	Khá
23	210	155D300029	Nguyễn Hán	Sinh	28/11/1997		Phú Thọ	1513D30A	7.0	6.3	7.1	6.86	Trung Bình
24	211	155D300030	Nguyễn Văn	Tâm	19/10/1997		Phú Thọ	1513D30A	7.8	6.3	8.7	7.76	Khá
25	212	155D300031	Nguyễn Hồng	Thúy	15/05/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D30A	8.0	7.3	8.0	7.83	Khá

26	213	155D300032	Bùi Thị Thùy	Trang	29/12/1997	Nữ	Hà Tây	1513D30A	7.3	8.0	8.0	7.74	Khá
27	214	155D300033	Lê Quang	Trung	17/12/1996		Phú Thọ	1513D30A	7.0	6.3	6.3	6.56	Trung bình
28	215	155D300034	Lê Thanh	Tùng	08/11/1997		Vĩnh Phúc	1513D30A	7.1	7.9	6.4	7.04	Khá
29	216	155D300035	Đặng Thị Hồng	Vân	29/12/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D30A	7.3	8.0	7.1	7.40	Khá
11. LỚP K13 ĐH QUẢN TRỊ KINH DOANH													
1	217	155D110001	Vũ ánh	Dương	21/12/1997		Hải Phòng	1513D11A	7.3	7.0	7.8	7.41	Khá
2	218	155D110002	Vũ Thúy	Hằng	27/10/1997	Nữ	Lào Cai	1513D11A	7.0	7.9	7.3	7.34	Khá
3	219	155D110003	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	04/11/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D11A	7.8	7.3	8.7	8.01	Giỏi
4	220	155D110004	Vũ Thị Minh	Hiếu	26/01/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D11A	7.3	7.0	7.7	7.38	Khá
5	221	155D110006	Nguyễn Phi	Hùng	08/02/1997		Phú Thọ	1513D11A	7.0	7.9	7.0	7.23	Khá
6	222	155D110007	Lưu Thị Thùy	Hương	15/12/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D11A	7.1	7.0	8.5	7.60	Khá
7	223	155D110012	Lê Xuân	Thành	31/08/1997		Phú Thọ	1513D11A	7.3	7.5	8.0	7.61	Khá
8	224	155D110015	Nguyễn Anh	Tú	03/04/1996		Vĩnh Phú	1513D11A	6.6	7.5	8.8	7.65	Khá
12. LỚP K13 ĐH KHOA HỌC CÂY TRỒNG													
1	225	155D120003	Bùi Thị Trà	My	04/11/1997	Nữ	Yên Bái	1513D12A	7.7	8.0	7.2	7.59	Khá
2	226	155D120004	Nguyễn Hạnh	Nhung	28/11/1997	Nữ	Phú Thọ	1513D12A	7.3	7.3	7.8	7.49	Khá
3	227	155D120005	Lê Tiến	Phát	27/08/1997		Phú Thọ	1513D12A	7.0	7.0	7.8	7.30	Khá
4	228	155D120006	Phạm Ngọc	Thạch	06/12/1997		Phú Thọ	1513D12A	8.0	8.2	8.7	8.31	Giỏi
5	229	155D120007	Bế Thị Thu	Thủy	12/04/1997	Nữ	Lạng Sơn	1513D12A	7.2	6.3	7.0	6.90	Trung Bình
6	230	155D120008	Phạm Anh	Tuấn	07/10/1997		Phú Thọ	1513D12A	7.3	7.7	8.6	7.89	Khá

Ấn định danh sách Khóa 2 khối 4 gồm: 230 sv

Ghi chú: *Học phần 1: Đường lối Quân sự của Đảng* 3TC (45T)

Học phần 2: Công tác Quốc phòng - An ninh 2 TC (45T)

Học phần 3: Quân sự chung và Chiến thuật, kỹ thuật 3TC (75T)

Phú Thọ, ngày 27 tháng 4 năm 2017

GIÁM ĐỐC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

PGS.TS Cao Văn